TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG NINH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 40/2019/QĐST-HNGĐ	*Quảng Ninh, ngày 23 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 09/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ: T3, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Bị đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1992; địa chỉ: T3, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành được lập ngày 15 tháng 7 năm 2019, về việc các đương sự đó thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Phạm Văn T và chị Lê Thị L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Phạm Văn T và chị Lê Thị L nhất trí thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Anh Phạm Văn T và chị Lê Thị L có 01 con chung tên là Phạm Hà Phương V, sinh ngày 27/5/2010, anh chị thỏa thuận giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Hà Phương V. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng, kể từ tháng 8 năm 2019 đến khi cháu V

trưởng thành (đủ 18 tuổi).

- *Về tài sản chung:* Anh Phạm Văn T và chị Lê Thị L thống nhất: Hai bên không có tài sản chung, không có quyền, nghĩa vụ khác về tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Phạm Văn T và chị Lê Thị L thống nhất thỏa thuận: Giao cho anh T chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm 150.000 đ và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng, tổng cộng án phí anh T phải nộp là 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai số AA/2017/0004697 ngày 20/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh. Anh T đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- UBND thị trấn Q;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Châu Mạnh Cường